

Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Nông Thị U', sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Bế Văn H, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Ông Đinh Phan T – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

*Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào các điều 55, 58, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022.*

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Nguyên đơn: Nông Thị U', sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Bé Văn H, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị U' và anh Bé Văn H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Hai bên thỏa thuận chị Nông Thị U' trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bé An K - sinh ngày 29/5/2010 và Bé An V – sinh ngày 02/6/2018 đến tuổi trưởng thành; chị U' không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận đang nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Cao Bằng số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Khi ly hôn chị U' có trách nhiệm trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), anh H có trách nhiệm trả 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh đối với tổng số tiền vay.

- *Về án phí*: Chị Nông Thị U' và anh Bé Văn H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng mỗi người phải chịu 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận chị Nông Thị U' đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0004657 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, chị U' còn phải nộp 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án, VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(*Đã ký*)

**Lê Thị Hiền**